

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H1
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H5 phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 05 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H1, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thu Hà và bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần A Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 312/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa các số 02/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 và số 11/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, sinh ngày 02/01/1993 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi thường trú: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Khúc Thị H (đã chết); có vợ là Đỗ Như Q và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 03 tháng 22 ngày tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”, được trả tự do tại phiên tòa; tiền sự: không có; bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

2. Đỗ Văn C, sinh ngày 04/07/1985 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị C; có vợ là Trịnh Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh 2016; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 31/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng

về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

3. Vũ Văn P, sinh ngày 03/05/1984 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị Y; có vợ là Lê Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 04 tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 12/12/2020 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không có; nhân thân:

- Ngày 10/8/2007, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 30/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023; hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

4. Hoàng Văn P1, sinh ngày 14/9/1987 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X và bà Trần Thị H; có vợ là Quách Thị P và có 02 con đều sinh năm 2023; tiền án: ngày 10/4/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm xử phạt 06 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 02/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong phần án phí dân sự; tiền sự: không có; nhân thân.

- Ngày 10/8/2007, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 24/9/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 42 tháng tù, tổng hợp hình phạt với của bản án năm 2007 xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 54 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

5. Ngô Huỳnh T, sinh ngày 22/12/1988 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang T và bà Trần Thị Đ; có vợ là Ngô Thị T và có 02 con đều sinh năm 2020; tiền án:

- Ngày 14/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 04 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Ngày 30/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H2 xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 10/4/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H1 xử phạt 09 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 12/8/2018 chấp hành xong bản án;

tiền sự: không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

6. Trần Tuấn A, sinh ngày 19/7/1984 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: tổ 1, khu M, phường C, thành phố C1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T và bà Trịnh Thị L; có vợ là Trịnh Thị Bích L (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 25/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố C1 xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/10/2023 đến ngày 25/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lê Thị L sinh ngày 10/6/1989 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi thường trú: tổ 10, khu 2, phường H3, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ 9, khu 5, phường H4, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Bùi Thị M; có chồng là Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo đầu thú ngày 19/9/2023, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Hà Thị Hồng A1 sinh ngày 27/01/1985 tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: tổ 16, khu 4B, phường H5, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K và bà Lê Thị Y (đã chết); có chồng là Bùi Đức Đ và có 02 con con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2023 đến ngày 16/9/2023, hiện đang áp dụng biện pháp bảo lãnh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
2. Anh Phạm Hồng M, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
3. Anh Lục Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Đ1, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
4. Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
5. Anh Bùi Huy H, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
6. Anh Lý Văn S, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
7. Anh Vũ Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
9. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
10. Anh Vũ Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
11. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
12. Anh Đỗ Quý N, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
13. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
14. Anh Đinh N D, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
15. Anh Đỗ Văn R, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
16. Anh Tạ Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
17. Chị Trần Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
18. Anh Lê Thành T, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
19. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đ1, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

20. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

21. Anh Hà Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

22. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

23. Anh Trần Quang H, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

24. Anh Lê Xuân D, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

25. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

26. Anh Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Đ3, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

27. Anh Đỗ Thành L, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

28. Anh Lê Quốc V, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

29. Anh Vũ Văn N, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

30. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

31. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

32. Anh Đỗ Văn Â, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

33. Anh Phạm Đình T, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

34. Chị Vũ Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

35. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

36. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

37. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/7/2023, Anh Đinh Ngọc G và chị Đỗ Thị Mỹ H5 đến Công an tỉnh Quảng Ninh tố giác hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C và Ngô Huỳnh T. Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng đầu năm 2019, Trần Văn N cùng với Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C và Ngô Huỳnh T bàn bạc, thống nhất về việc góp tiền để cho người khác vay lấy lãi cao. N, P, P1, T mỗi người góp 300.000.000 đồng; C góp 260.000.000 đồng, mục đích cho người khác vay lấy lãi với lãi suất từ 1.000 đồng/một triệu/một ngày đến 5.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương với mức lãi suất từ 36,5%/năm đến 182,5%/năm. Hình thức cho vay là “vay lãi nằm”: Trong thời hạn 10 ngày, 20 ngày hoặc 30 ngày tùy vào thỏa thuận với khách (gọi là 01 kỳ đóng lãi) thì người vay phải trả số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất đã thỏa thuận tính trên số ngày kỳ đóng lãi, khách vay phải trả tiền lãi đến khi trả được hết số tiền gốc. Người vay có thể vay tiền mà không cần thế chấp tài sản, giấy tờ, tài liệu gì. Người vay trả tiền lãi bằng hình thức đưa tiền trực tiếp cho N hoặc chuyển tiền lãi đến một trong hai số tài khoản của N là 3356789999 mở tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam và 3256789999 mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Căn cứ tài liệu thu thập là dữ liệu trích xuất từ tài khoản của Trần Văn N trên trang web [HTTPS:2CSH.PRO](https://2CSH.PRO), [HTTPS:2CSH.INFO](https://2CSH.INFO) xác định dữ liệu cho vay: Thông tin về những người cho N vay và người vay đều ghi tên biệt danh, một số người vay có thông tin số điện thoại, số còn lại không có thông tin gì khác. Kết quả điều tra xác định được 37 người vay tiền của Trần Văn N và đồng phạm, những người này đều có chỗ ở tại xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể diễn biến việc vay tiền, trả lãi như sau:

1. Chị Lê Thị T (sinh năm 1988, ĐKKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 23/10/2022, chị T đã vay 02 lần, tổng số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả tiền lãi 50.040.000 đồng, thu lời bất chính 43.185.205 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/01/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 21.747.945 đồng.

- Lần 2: Ngày 23/10/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 21.437.260 đồng.

2. Anh Phạm Hồng M (sinh năm 1982, ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 05/07/2022, Anh M có vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh M đã trả tiền lãi 2.400.000 đồng, thu lời bất chính 2.071.233 đồng.

3. Anh Lục Văn V (sinh năm 1990, ĐKHKT: Thôn Đ1, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 01/3/2023, Anh V vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh V đã trả số tiền lãi là 10.800.000 đồng, thu lời bất chính 8.827.397 đồng.

4. Anh Phạm Tiến D (sinh năm 1982, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 31/7/2022, Anh D vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh D đã trả số tiền lãi là 32.000.000 đồng, thu lời bất chính 22.000.000 đồng.

5. Anh Bùi Huy H (sinh năm 2000, ĐKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 28/4/2023, Anh H vay 02 lần, tổng số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh H đã trả số tiền lãi là 13.000.000 đồng, thu lời bất chính 11.191.781 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 07/01/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 10.356.164 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/4/2023, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 835.616 đồng.

6. Anh Lý Văn S (sinh năm 1983, ĐKHKT: Thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 30/6/2022, Anh S vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh S đã trả số tiền lãi là 13.720.000 đồng, thu lời bất chính 11.840.548 đồng.

7. Anh Vũ Văn K (sinh năm 1987, ĐKHKT: Thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 16/12/2022, Anh K vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh K đã trả số tiền lãi là 1.800.000 đồng, thu lời bất chính 1.471.233 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1991, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 09/5/2022, chị T vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả số tiền lãi là 13.240.000 đồng, thu lời bất chính 11.420.822 đồng.

9. Chị Đỗ Thị H (sinh năm 1983, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 05/06/2020 đến ngày 28/03/2023, chị H vay 07 lần với tổng số tiền 286.400.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Chị H đã trả số tiền lãi là 175.816.000 đồng, thu lời bất chính 151.737.096 đồng, có 02 lần số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 05/06/2020, số tiền vay 50.000.000 đồng, thu lời bất chính 43.150.685 đồng.
- Lần 2: Ngày 16/07/2022, số tiền vay 60.000.000 đồng, thu lời bất chính 15.821.370 đồng.
- Lần 3: Ngày 29/08/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 24.854.795 đồng.
- Lần 4: Ngày 14/09/2022, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 28.997.260 đồng.
- Lần 5: Ngày 22/09/2022, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 3.313.973 đồng.
- Lần 6: Ngày 18/10/2022, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 32.409.315 đồng.
- Lần 7: Ngày 28/03/2023, số tiền vay 26.400.000 đồng, thu lời bất chính 3.189.699 đồng.

10. A Vũ Quang T (sinh năm 1994, ĐKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 02/08/2021 đến ngày 27/01/2022, A T vay 03 lần với tổng số tiền 213.620.000 đồng. A T đã trả số tiền lãi là 193.661.700 đồng, thu lời bất chính 164.852.122 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 11/07/2019, số tiền vay 90.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 77.320.548 đồng.
- Lần 2: Ngày 02/08/2021, số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 15.821.370 đồng.
- Lần 3: Ngày 27/01/2022, số tiền vay 108.620.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 24.854.795 đồng.

11. Chị Đỗ Thị N (sinh năm 1986, ĐKHKT: Thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 27/4/2023, chị N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị N đã trả lãi là 1.200.000 đồng, thu lời bất chính 1.035.616 đồng.

12. Anh Đỗ Quý N (sinh năm 1993, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 24/12/2022, anh N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh N đã trả lãi là 4.500.000 đồng, thu lời bất chính 3.678.082 đồng.

13. Anh Nguyễn Minh C (sinh năm 1989, ĐKHKT: Thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 19/6/2022 đến ngày 18/4/2023, Anh C vay 02 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh C đã trả lãi là 13.290.000 đồng, thu lời bất chính 11.470.822 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 19/6/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 10.435.205 đồng.

- Lần 2: Ngày 18/4/2023, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.035.616 đồng.

14. Anh Đinh Ngọc D (sinh năm 1988, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 22/9/2021 đến ngày 27/02/2023, anh D vay 05 lần với tổng số tiền 302,000,000 đồng với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh D đã trả tiền lãi là 159.208.000 đồng, thu lời bất chính 11.470.822 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29/06/2020, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 39.313.425 đồng.

- Lần 2: Ngày 22/09/2021, số tiền vay 60.000.000 đồng, thu lời bất chính 44.618.630 đồng.

- Lần 3: Ngày 19/07/2022, số tiền vay 60.000.000 đồng, thu lời bất chính 37.162.192 đồng.

- Lần 4: Ngày 17/01/2023, số tiền vay 66.000.000 đồng, thu lời bất chính 8.657.753 đồng.

- Lần 5: Ngày 27/02/2023, số tiền vay 76.000.000 đồng, thu lời bất chính 7.608.329 đồng.

15. Anh Đỗ Văn R (sinh năm 1975, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 26/6/2021 đến ngày 26/12/2022, anh R vay 11 lần với tổng số tiền 205.000.000 đồng, với lãi suất 3000 đồng một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh R đã trả lãi là 96.855.000 đồng, thu lời bất chính 79.156.370 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26/06/2021, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 12.542.260 đồng.

- Lần 2: Ngày 12/11/2021, số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lời bất chính 10.151.507 đồng.

- Lần 3: Ngày 10/01/2022, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 18.537.534 đồng.

- Lần 4: Ngày 27/04/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 3.408.356 đồng.

- Lần 5: Ngày 14/05/2022, số tiền vay 25.000.000 đồng, thu lời bất chính 7.535.068 đồng.

- Lần 6: Ngày 11/07/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 7.326.164 đồng.

- Lần 7: Ngày 16/08/2022, số tiền vay 20.400.000 đồng, thu lời bất chính 1.373.151 đồng.

- Lần 8: Ngày 07/09/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 3.236.712 đồng.

- Lần 9: Ngày 15/11/2022, số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.296.438 đồng.

- Lần 10: Ngày 29/11/2022, số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lời bất chính 4.697.945 đồng.

- Lần 11: Ngày 26/12/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.051.233 đồng.

16. Anh Tạ Văn T (sinh năm 1986, ĐKHKT: Thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 24/5/2022 đến ngày 16/11/2022, anh T vay 02 lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh T đã trả lãi là 173.700.000 đồng, thu lời bất chính 141.973.973. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/5/2022, số tiền vay 50.000.000 đồng, thu lời bất chính 9.563.014 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/11/2022, số tiền vay 300.000.000 đồng, thu lời bất chính 132.410.959 đồng.

17. Chị Trần Thị P (sinh năm 1985, ĐKHKT: Thôn K, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 28/12/2022, chị P đã vay 06 lần với tổng số tiền là 417.400.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị P đã trả lãi là 143.589.200 đồng, thu lời bất chính 123.910.296 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 25/10/2021, số tiền vay 80.000.000 đồng, thu lời bất chính 70.421.918 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/08/2022, số tiền vay 80.000.000 đồng, thu lời bất chính 15.731.370 đồng.

- Lần 3: Ngày 21/10/2022, số tiền vay 50.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.868.493 đồng.

- Lần 4: Ngày 28/11/2022, số tiền vay 100.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.523.288 đồng.

- Lần 5: Ngày 23/12/2022, số tiền vay 25.000.000 đồng, thu lời bất chính 828.493 đồng.

- Lần 6: Ngày 28/12/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 25.536.734 đồng.

18. Anh Lê Thành T (sinh năm 1979, ĐKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 06/6/2022 đến ngày 01/10/2022, anh T vay 02 lần với tổng số tiền là 178.740.000 với lãi suất 4.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh T đã trả lãi là 79.485.040 đồng, thu lời bất chính 68.596.678 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 06/6/2022, số tiền vay 136.000.000 đồng, thu lời bất chính 53.990.137 đồng.

- Lần 2: Ngày 01/10/2022, số tiền vay 42.740.000 đồng, thu lời bất chính 14.606.541 đồng.

19. Anh Trần Văn Q (sinh năm 1974, ĐKHKT: Thôn Đ1, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 06/8/2022 đến ngày 28/4/2023, anh Q vay 03 lần với tổng số tiền là 75.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh Q đã trả lãi là 12.000.000 đồng, thu lời bất chính 9.808.219 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 06/8/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.863.562 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/11/2022, số tiền vay 25.000.000 đồng, thu lời bất chính 3.310.274 đồng.

- Lần 3: Ngày 28/4/2023, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 4.634.384 đồng.

20. Anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1982, ĐKHKT: Thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 20/7/2022 đến ngày 07/12/2022, anh H vay 05 lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh H đã trả lãi là 11.300.000 đồng, thu lời bất chính 9.752.055 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/7/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 863.014 đồng.

- Lần 2: Ngày 09/09/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 2.071.233 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/09/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 2.071.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 18/11/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 345.205 đồng.

- Lần 5: Ngày 07/12/2022, số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lời bất chính 4.401.370 đồng.

21. Anh Hà Văn T (sinh năm 1999, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 25/6/2022 đến ngày 22/3/2023, anh T vay 09 lần

với tổng số tiền là 157.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh T đã trả lãi là 7.872.000 đồng, thu lời bất chính 6.793.644. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 25/6/2022, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.864.110 đồng.
- Lần 2: Ngày 11/10/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 483.288 đồng.
- Lần 3: Ngày 24/10/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 276.164 đồng.
- Lần 4: Ngày 19/11/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 621.370 đồng.
- Lần 5: Ngày 29/11/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 414.247 đồng.
- Lần 6: Ngày 05/12/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 932.055 đồng.
- Lần 7: Ngày 26/12/2022, số tiền vay 30.400.000 đồng, thu lời bất chính 1.656.986 đồng.
- Lần 8: Ngày 17/01/2023, số tiền vay 12.000.000 đồng, thu lời bất chính 165.699 đồng.
- Lần 9: Ngày 22/03/2023, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 379.726 đồng.

22. Anh Đỗ Văn Đ (sinh năm 1985, ĐKHKT: Thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 19/7/2019 đến ngày 01/8/2020, anh Đ vay 02 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh Đ đã trả lãi là 108.400.000 đồng, thu lời bất chính 93.550.685 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 19/7/2019, số tiền vay 100.000.000 đồng, thu lời bất chính 41.424.658 đồng.
- Lần 2: Ngày 01/8/2020, số tiền vay 40.000.000 đồng, thu lời bất chính 52.126.027 đồng.

23. Anh Trần Quang H (sinh năm 1988, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 30/10/2022, anh H vay 02 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, với lãi suất 4.000 đồng/ một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh H đã trả lãi là 57.000.000 đồng, thu lời bất chính 49.191.781 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 28/02/2022, số tiền vay 90.000.000 đồng, thu lời bất chính 48.156.164 đồng.
- Lần 2: Ngày 30/10/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính

1.035.616 đồng.

24. Anh Lê Xuân D (sinh năm 1986, ĐKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 30/5/2022 đến ngày 16/2/2023, anh D vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh D đã trả lãi là 15.570.000 đồng, thu lời bất chính 12.726.164 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30/5/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 10.519.315 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/2/2023, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 2.206.849 đồng.

25. Anh Bùi Văn T (sinh năm 1974, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 20/12/2019 đến ngày 20/4/2023, anh T vay 04 lần, tổng số tiền là 41.800.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh T đã trả lãi là 58.240.800 đồng, thu lời bất chính 50.262.608. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/12/2019, số tiền vay 2.400.000 đồng, thu lời bất chính 13.703.277 đồng.

- Lần 2: Ngày 05/08/2020, số tiền vay 29.400.000 đồng, thu lời bất chính 30.345.633 đồng.

- Lần 3: Ngày 23/06/2022, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.178.082 đồng.

- Lần 4: Ngày 20/4/2023, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.035.616 đồng.

26. Anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1984, ĐKHKT: Thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ 28/7/2022 đến ngày 05/01/2023, A Mạnh vay 05 lần, tổng số tiền là 525.000.000 đồng. Anh M đã trả lãi là 132.990.000 đồng, thu lời bất chính 108.776.301 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 28/07/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 241.644 đồng.

- Lần 2: Ngày 11/09/2022, số tiền vay 25.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 1.208.219 đồng.

- Lần 3: Ngày 10/11/2022, số tiền vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 6.620.548 đồng.

- Lần 4: Ngày 17/12/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo

quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 73.562 đồng.

- Lần 5: Ngày 05/01/2023, số tiền vay 380.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 100.632.329 đồng.

27. Anh Đỗ Thành L (sinh năm 1989, ĐKHKT: Thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 07/02/2022, anh L vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh L đã trả lãi là 6.100.000 đồng, thu lời bất chính 5.264.384 đồng.

28. Anh Lê Quốc V (sinh năm 1980, ĐKHKT: Thôn Đ2, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 19/3/2021 đến ngày 23/4/2023, anh V vay tổng số tiền là 150.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày đến 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm đến 146%/năm gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh V đã trả lãi là 60.440.000 đồng, thu lời bất chính 51.859.178 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 19/3/2021, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 40.043.836 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/01/2023, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 4.142.466 đồng.

- Lần 3: Ngày 28/02/2023, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 2.278.356 đồng.

- Lần 4: Ngày 23/4/2023, số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 5.394.521 đồng.

29. Anh Vũ Văn N (sinh năm 1991, ĐKHKT: Thôn C, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 28/01/2022, anh N vay số tiền là 25.000.000 đồng với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh N đã trả lãi là 18.000.000 đồng, thu lời bất chính 15.534.247 đồng.

30. Chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1986, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 22/9/2022 chị T vay số tiền là 3.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả lãi chị T đã trả là 780.000 đồng, thu lời bất chính 673.151 đồng.

31. Chị Hoàng Thị T (sinh năm 1982, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 16/2/2023, chị T vay 02 lần,

tổng số tiền là 20.000.000 đồng, với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả lãi là 11.240.000 đồng, thu lời bất chính 9.700.274 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29/4/2022, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 8.146.849 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/2/2023, số tiền vay 15.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.553.425 đồng.

32. Anh Đỗ Văn Â (sinh năm 1989, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 25/3/2022 đến ngày 19/01/2023, anh Â vay 02 lần tổng số tiền là 40.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh Â đã trả lãi là 33.600.000 đồng, thu lời bất chính 28.997.260 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 25/3/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 20.712.329 đồng.

- Lần 2: Ngày 19/01/2023, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 8.284.932 đồng.

33. Anh Phạm Đình T (sinh năm 1962, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 23/02/2023, anh T vay 04 lần tổng số tiền là 24.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh T đã trả lãi là 7.675.200 đồng, thu lời bất chính 6.619.858 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 16/6/2022, số tiền vay 2.000.000 đồng, thu lời bất chính 690.411 đồng.

- Lần 2: Ngày 01/09/2022, số tiền vay 4.000.000 đồng, thu lời bất chính 138.082 đồng.

- Lần 3: Ngày 10/09/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 5.463.967 đồng.

- Lần 4: Ngày 23/02/2023, số tiền vay 8.000.000 đồng, thu lời bất chính 327.397 đồng.

34. Chị Vũ Minh T (sinh năm 1985, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 15/7/2022 đến ngày 04/8/2022, chị T 02 lần vay tổng số tiền là 80.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả lãi là 12.400.000 đồng, thu lời bất chính 10.701.370 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15/7/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.380.822 đồng.

- Lần 2: Ngày 04/8/2022, số tiền vay 60.000.000 đồng, thu lời bất chính 9.320.548 đồng.

35. Chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1996, ĐKHKT: Thôn X, xã T, thành phố

H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 16/4/2022, chị T vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị T đã trả lãi là 12.000.000 đồng, thu lời bất chính 10.356.164 đồng.

36. Chị Bùi Thị L (sinh năm 1978, ĐKHKT: Thôn L, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Ngày 21/4/2023, chị L vay số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị L đã trả lãi là 600.000 đồng, thu lời bất chính 517.808 đồng.

37. Anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1989, ĐKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh): Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 21/2/2023, anh D vay 05 lần tổng số tiền là 55.000.000 đồng, với lãi suất 4.000 đồng/một triệu/một ngày tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Anh D đã trả lãi là 5.080.000 đồng, thu lời bất chính 4.384.110 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 23/7/2022, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 345.205 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/08/2022, số tiền vay 30.000.000 đồng, thu lời bất chính 310.685 đồng.

- Lần 3: Ngày 11/10/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, thu lời bất chính 207.123 đồng.

- Lần 4: Ngày 06/11/2022, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 1.484.384 đồng.

- Lần 5: Ngày 21/2/2023, số tiền vay 5.000.000 đồng, thu lời bất chính 2.036.712 đồng.

Ngày 16/7/2023, Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C và Ngô Huỳnh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đầu thú.

Mở rộng điều tra vụ án, phát hiện ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự Đỗ Văn C còn có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh số đề, số lô với Hà Thị Hồng A1, Lê Thị L và Trần Tuấn A. Phương thức đánh bạc như sau: Dựa trên các số trúng thưởng của kỳ xổ số miền Bắc quay thưởng hàng ngày, sẽ đối chiếu các số người mua với kết quả xổ số. Nếu người mua số “đề” trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt thì người bán phải trả số tiền gấp 80 lần số tiền người mua đã cược; nếu người mua số “lô” với 01 điểm lô giá từ 22.000 đồng đến 23.000 đồng; thắng là trùng với 02 số cuối cùng của bất kỳ giải nào trong kỳ quay xổ số ngày hôm đó, số tiền thắng bằng số điểm lô đã đánh nhân với số giải trùng nhân với 80.000 đồng; Lô xiên là hình thức đánh cùng lúc 2 số lô (lô xiên 2) hoặc 3 số lô (lô xiên 3) hoặc 4 số lô (lô xiên 4) giá lô xiên 2, 3, 4 = 10.000 đồng/1 điểm, nếu 2 số lô hoặc 3 số lô hoặc 4 số lô đều trùng với 2 số cuối của số trúng giải bất kỳ thì mới gọi là trúng lô xiên 2 sẽ thắng 1 điểm bằng

100.000 đồng, trúng lô xiên 3 sẽ thắng 1 điểm bằng 400.000 đồng, trúng lô xiên 4 sẽ thắng 1 điểm bằng 1.000.000 đồng; Ba càng là số có ba chữ số, người chơi đánh một số hoặc nhiều số ba càng với một số tiền bất kỳ, nếu số ba càng trùng với ba số cuối của giải đặc biệt mới tính là trúng số ba càng và sẽ trả khách gấp 400 lần số tiền đã đánh. Nếu khách thua thì người bán sẽ hưởng số tiền khách đã bỏ ra mua số “lô”, “đề”.

Với cách thức đánh bạc như trên, Đỗ Văn C đã đánh bạc các lần như sau:

- Các lần C đánh bạc với Hồng A1:

+ Ngày 08/4/2023, C đánh số lô 45 x 100 điểm = 2.200.000 đồng, số lô 33 x 50 điểm = 1.100.000 đồng, lô xiên 2: 45 và 33 x 50 điểm = 500.000 đồng; Tổng số tiền đánh là 3.800.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số miền bắc ngày 8/4/2023 xác định C trúng hai lần số 33, tức trúng 50 điểm lô x 2 x 80.000 đồng = 8.000.000 đồng. Vậy, tổng tiền đánh bạc giữa C và A1 ngày 8/4/2023 là: 3.800.000 đồng + 8.000.000 đồng = 11.800.000 đồng.

+ Ngày 10/4/2023, C đánh số lô 92 x 50 điểm = 1.100.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số miền bắc ngày 10/4/2023 xác định C không trúng.

+ Ngày 18/4/2023, C đánh số lô 79 x 100 điểm = 2.200.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số miền bắc ngày 18/4/2023 xác định C không trúng.

Toàn bộ các số lô mà Hồng A1 nhận của C, A1 đều chuyển cho L. A1 và L chuyển, nhận tiền đánh lô, đề từ số tài khoản 0879985025 mở tại ngân hàng quân đội của Hồng A1 đến số tài khoản 8338668886 mở tại ngân hàng quân đội của Lê Thị L.

- Các lần C đánh bạc với Tuấn A:

Ngày 21/7/2022, C gửi các số lô 00, 11, 22, 33, 44, 55 cho Tuấn A để nhờ Tuấn A đánh hộ tại các chủ mua số lô đề, Tuấn A đồng ý. Do quen biết với Hoàng Huy H (sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 4, khu N, phường C, thành phố C1, tỉnh Quảng Ninh) và biết H có nhận mua số lô nên Tuấn A nhắn tin nội dung đánh 06 số lô trên cho H, sau đó H đồng ý và có 02 lần xác nhận đánh được 6000 điểm lô đối với 06 số lô trên với Tuấn A, sau đó Tuấn A có 02 lần nhắn tin lại cho C xác nhận đã đánh được các số lô đề trên, cụ thể: Lần 1, Tuấn A xác nhận với C đánh được 4200 điểm lô chia đều cho 06 số lô ở trên, tức 700 điểm/01 số lô; Lần 2, Tuấn A xác nhận với C đánh thêm được 1800 điểm lô chia đều cho 06 số lô ở trên, tức 300 điểm/01 số lô. Như vậy, Tuấn A xác nhận đánh được 6.000 điểm lô, mỗi điểm lô giao động từ 22.000 đồng đến 23.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số miền bắc ngày 21/7/2022 xác định C trúng số lô 11 = 1.000 điểm x 80.000đ = 80.000.000 đồng. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, Tuấn A gửi cho C ảnh bảng tính mà H gửi cho Tuấn A, xác nhận việc đã đánh 6000 điểm lô, cụ thể:

1. Bảng tính 1: “1.800x23-24.000”, tức đánh 1800 điểm lô giá 23.000 đồng/01 điểm = 41.400.000 đồng trừ đi số tiền trúng 300 điểm lô số 11 = 300

điểm x 80.000đ = 24.000.000đ.

2. Bảng tính 2: “3.000x23-40.000”, tức đánh 3000 điểm lô giá 23.000 đồng /01 điểm = 69.000.000 đồng trừ đi số tiền trúng 500 điểm lô số 11 = 500 điểm x 80.000 đồng = 40.000.000đ.

3. Bảng tính 3: “1.200x22,5-16.000”, tức đánh 1.200 điểm lô giá 22.500 đồng /01 điểm = 27.000.000 đồng trừ đi số tiền trúng 200 điểm lô số 11 = 200 điểm x 80.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Tổng số tiền C bỏ ra đánh bạc với H ngày 21/7/2022 là 41.400.000 đồng + 69.000.000 đồng + 27.000.000 đồng = 137.400.000 đồng; Tổng số tiền C trúng là 24.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 16.000.000 đồng = 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Tổng tiền C đánh bạc trong ngày 21/7/2022 là 137.400.000 đồng + 80.000.000 đồng = 217.400.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Căn cứ số tiền bỏ ra đánh và số tiền trúng xác định số tiền trúng lô của C ít hơn số tiền phải bỏ ra để đánh là 57.400.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngày 22/7/2021, C đã chuyển số tiền này đến số tài khoản nêu trên của Tuấn A, sau khi nhận được tiền, Tuấn A đưa trực tiếp số tiền 57.400.000 đồng cho H.

Đối với Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 là những người ghi số đề, số lô, ngoài lần các lần đánh bạc với Đỗ Văn C ngày 08/4/2023, 10/4/2023, 18/4/2023 như đã nêu ở trên, thì vào ngày 25/7/2023, sau khi tổng hợp các số lô, đề, ba càng của người chơi, A1 đã sử dụng tài khoản ZALO “Hoa Hồng” để gửi bảng số đến tài khoản ZALO có tên “Mộc Miên” tạo từ số điện thoại 0899796638 của L. Theo bảng số, người chơi đã đánh tổng cộng 1.190.000 đồng cho 86 số đề; đánh 7.194.000 đồng tương đương 327 điểm cho 17 số lô; đánh 70.000 đồng tương đương 70 điểm cho 08 số ba càng. Căn cứ kết quả xổ số hôm đó, L tính toán số tiền đánh, số tiền thắng, sau đó, L gửi cho A1 bảng kết quả, trong đó khách đánh trúng 5.000 đồng tiền đề = 5.000đ x 80 = 400.000 đồng và 38 điểm lô = 38x80.000đ = 3.040.000, tổng cộng khách trúng số lô, đề ngày hôm đó là 3.440.000 đồng. Tổng cộng số tiền đánh bạc giữa L, A1 và người chơi vào ngày 25/7/2023 là 8.617.500 đồng + 3.440.000 đồng = 12.057.500 đồng. Tuyên nhiên A1 và L chưa kịp chuyển cho nhau số tiền đánh bạc ngày 25/7/2023.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đen, IMEI: 354106774586629, IMEI 2: 354106774679002 của Trần Văn N đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu xanh, số IMEI: 353902101599652, IMEI 2: 353902101636629 của Vũ Văn P, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim điện thoại 0967195679.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đen, IMEI: 353324652113249, IMEI 2: 353324652054443 đã qua sử dụng của Hoàng Văn

P1, bên trong gắn 01 sim điện thoại 0392935123.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xanh, IMEI: 356037843288632, IMEI 2: 356037843313406 đã qua sử dụng của Đỗ Văn C, bên trong gắn 01 sim điện thoại 0359516999.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, IMEI: 865760067962418, IMEI 2: 865760067962400 đã qua sử dụng của Ngô Huỳnh T, bên trong gắn 01 sim điện thoại 0985815638.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG mặt sau màu xanh đen, IMEI: 357186102337561 đã qua sử dụng của Hà Thị Hồng A1, bên trong gắn 01 sim điện thoại 0879985025.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T, Trần Tuấn A, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Bị cáo Trần Văn N khai N là người có trách nhiệm quản lý chính việc cho vay lãi, là người lập danh sách người vay, số tiền cho vay và tính toán số tiền lãi phải đóng của từng người vay theo lãi suất thỏa thuận, tổng hợp tiền lãi theo tháng rồi chia lại bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng cho P (số tài khoản 6668333666 mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội), P1 (số tài khoản 0521000733088 mở tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam), C (số tài khoản 2218889999 mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội), T (số tài khoản 6166666789 mở tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam) tùy theo tỉ lệ tiền đóng góp của mỗi người. Ban đầu N quản lý việc cho vay bằng sổ sách, từ khoảng tháng 8/2019 đến thời điểm bị bắt, N mua một tài khoản chuyên dùng để quản lý việc vay và cho vay trên trang web HTTPS:2CSH.PRO (tên khác là HTTPS:2CSH.INFO), tài khoản của N mua có tên đăng nhập là “Cmdongoctung”, mật khẩu “88888880”, trong tài khoản của N có chứa toàn bộ dữ liệu thông tin người vay, ngày bắt đầu vay, số tiền vay, lãi suất vay, số tiền lãi đã đóng... Ngoài N thì P, P1, T cũng có thể đăng nhập vào tài khoản trên để theo dõi việc cho vay. Hầu hết người vay tiền đều vay, trả lãi, làm việc trực tiếp với N. Một số người vay khác làm việc với P1, P sau đó hai người này báo lại cho N để N nhập dữ liệu vào tài khoản theo dõi việc cho vay. Trong quá trình thu lãi có nhiều người vay đóng tiền lãi muộn, khi đó N, P, P1, T sẽ chia nhau ra để nhắn tin nhắc đóng tiền lãi hoặc đến gặp trực tiếp người vay để nhắc, thu tiền lãi. Về nguồn gốc số tiền để cho vay thì là do N, P, P1, T mỗi người góp 300.000.000 đồng còn C góp 260.000.000 đồng.

Các bị cáo Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T, Đỗ Văn C đều có lời khai thể hiện về việc P, P1, T mỗi người góp 300.000.000 đồng, còn C góp 260.000.000 đồng đưa cho N để làm vốn cho vay lãi và được hưởng lợi theo tỷ lệ đóng góp. Còn tổng số tiền tính theo tổng số lần các bị cáo cho vay bao gồm

cả vốn cho vay và lãi thu về quay vòng.

Về hành vi đánh bạc, Nguyễn Văn C khai C báo số lô muốn đánh bằng cách sử dụng tài khoản ZALO “Đỗ Văn C” tạo lập từ số điện thoại 0395.169.999 của C nhắn tin với tài khoản ZALO “Hoa Hồng” tạo từ số điện thoại 0789.985.025 của Hà Thị Hồng A1; còn đối với Tuấn A, C sử dụng ứng dụng IMESAGE tạo từ số điện thoại trên để nhắn tin đến số điện thoại 0379.396.686 của Tuấn A. Ngoài ra C còn sử dụng tài khoản FACEBOOK của mình có tên “C Đỗ” để nhắn tin với tài khoản FACEBOOK của Tuấn A có tên là “Trần Tuan A”. Để thanh toán tiền thắng, thua, C sử dụng số tài khoản ngân hàng 2218889999 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để chuyển, nhận tiền vào số tài khoản 0879985015 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội của Hà Thị Hồng A1 và số tài khoản 608019969999 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội của Trần Tuấn A.

Bị cáo Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 khai: Do không có công việc, đầu năm 2023 L đã nhận lời ghi hộ số đề, số lô cho người khác. L thuê thêm Hồng A1 làm trung gian ghi số đề, số lô rồi chuyển cho L. Dù người chơi thắng hay thua A1 đều được L trả tiền hoa hồng, cụ thể: khi A1 nhận của người chơi 23.000 đồng/điểm lô thì khi báo cho L, A1 sẽ nhận được 1.100 đồng/một điểm lô; nếu A1 báo 100.000 đồng/một số đề cho L thì A1 sẽ được hưởng 15.000 đồng/một số đề; đối với lô xiên các loại và ba càng thì A1 đều nhận của tất cả người chơi 10.000 đồng/01 điểm sau đó A1 báo cho L để được hưởng 30%= 3.000 đồng/01 điểm. A1 đã sử dụng tài khoản ZALO “Hoa Hồng” để gửi bảng số đến tài khoản ZALO có tên “Mộc Miên” tạo từ số điện thoại 0899796638 của L. A1 và L chuyển, nhận tiền đánh lô, đề từ số tài khoản ngân hàng của A1 nên trên đến số tài khoản 8338668886 của L mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Bản Cáo trạng số: 292/CT-VKSHL ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 truy tố các bị cáo Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Tuấn A về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 3 đến 6 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; 15 đến 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 18 đến 24 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt

đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Quảng Ninh nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P1 từ 3 tháng đến 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 3 tháng đến 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P từ 3 tháng đến 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Ngô Huỳnh T từ 3 tháng đến 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 45 triệu đến 50 triệu đồng về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Hà Thị Hồng A1 từ 35 triệu đến 40 triệu đồng về tội “Đánh bạc”.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

- Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 13 Pro Max) màu xám đen thu của Trần Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 11 Pro Max), màu xanh thu của Vũ Văn P kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 13 Pro Max) màu xám đen thu của Hoàng Văn P1 kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro) màu xanh thu của Đỗ Văn C kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu của Ngô Huỳnh T kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đen thu của Hà Thị Hồng A1 kèm 01 sim.

+ Truy thu của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T mỗi bị cáo 355.139.194 đồng. Truy thu của bị cáo Đỗ Văn C 533.187.301 đồng. Truy thu của bị cáo Lê Thị L 6.925.000 đồng. Truy thu của bị cáo Hà Thị Hồng A1 8.932.500 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H1; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với xác minh sao kê tài khoản ngân hàng của các bị cáo, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản khám xét và phù

hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 7 năm 2023, tại xã T, thành phố H1, Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C và Ngô Huỳnh T đã có hành vi góp tiền để cho 37 người vay 106 lần, với lãi suất cao gấp 5,475 lần đến 7,3 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 1.481.248.863 đồng (Một tỉ bốn trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám t nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) để chia nhau.

Từ năm 2022 đến tháng 7/2023, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1, Đỗ Văn C và Trần Tuấn A đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức số lô, số đề, trong đó: Đỗ Văn C đánh bạc số tiền 229.200.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng); Trần Tuấn A đánh bạc số tiền 217.400.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 đánh bạc số tiền 23.857.500 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hành vi của các bị cáo Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, làm cho những người vay tiền của các bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế do phải trả lãi quá cao. Các bị cáo nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, động cơ tham lam tư lợi cá nhân, nên đã cố tình thực hiện tội phạm để thỏa mãn thu lời bất chính trên cơ sở hoạt động cho vay tiền với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; với hình thức vay đơn giản chỉ quen biết, không cần có tài sản thế chấp trong khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã cho nhiều người trên địa bàn xã T, thành phố H1 vay tiền, thu lời bất chính lên tới 1.481.248.863 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn C, Trần Tuấn A, Lê Thị L đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt dẫn đến nợ nần chồng chất, hạnh phúc tan vỡ. Vì tâm lý bị thua khi đánh bạc mà

nhiều người đã tìm mọi cách để có tiền gỡ lại số tiền đã mất, từ đó có thể làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật, các loại tội phạm khác.

Trong vụ án này các bị cáo đều đã trưởng thành, đáng lẽ phải làm ăn lương thiện để chăm lo cho gia đình nhưng các bị cáo lại tham gia vào các hành vi cho vay lãi nặng, đánh bạc để kiếm tiền bất chính, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C, Ngô Huỳnh T, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1 tái phạm, bị cáo Ngô Huỳnh T tái phạm nguy hiểm nên bị áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C, Ngô Huỳnh T, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1, Đỗ Văn C và Trần Tuấn A quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C, Ngô Huỳnh T trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là người vay tiền) số tiền lãi mà các bị cáo đã thu của họ và được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra để làm rõ hành vi đánh bạc của Trần Tuấn A, Hà Thị Hồng A1 và Lê Thị L nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1 sau khi phạm tội đã giúp Công an xã T phát hiện và đưa 03 đối tượng nghiện đi cai nghiện, đã lập công được áp dụng điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn N bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo; bị cáo Ngô Huỳnh T có bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Vũ Văn P có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Tuấn A đều có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về các hành vi phạm tội khác.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, phân công để thực hiện tội phạm, tất cả các bị cáo đều là người thực hành.

Đối với nhóm bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C, Ngô Huỳnh T: các bị cáo đều bàn bạc, T và tham gia góp tiền với số tiền đóng góp ngang nhau để bị cáo N đứng ra cho vay lãi nên các bị cáo có vai trò đồng phạm ngang nhau và chịu mức hình phạt tương ứng với tính chất, hành vi phạm tội của mình, trong đó bị cáo T tái phạm nguy hiểm nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với nhóm bị cáo Đỗ Văn C, Trần Tuấn A, Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1:

Các bị cáo Đỗ Văn C và Trần Tuấn A cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức số lô cùng Hoàng Huy H trong đó C là người trực tiếp bỏ tiền để đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt cao hơn, Tuấn A chỉ tham gia giúp C chuyển thông tin đánh lô, chuyển tiền đánh bạc của C cho chủ mua số lô, không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc của C nên có vai trò đồng phạm, sau bị cáo C.

Các bị cáo Đỗ Văn C, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 có hành vi đánh bạc cùng nhau dưới hình thức số lô; ngoài ra L và A1 còn cùng nhiều người khác bằng hình thức số lô, số đề, số ba càng nên có vai trò đồng phạm, chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Trong đó bị cáo Hà Thị Hồng A1 có vai trò giúp sức cho bị cáo L trong việc ghi số lô, số đề, số ba càng để nhận hoa hồng nên có vai trò sau bị cáo L.

[5] Về mức hình phạt:

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H1 tại phiên tòa về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy:

Bị cáo Đỗ Văn C có nhân thân xấu; các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1 và Ngô Huỳnh T chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo. Tuyên nhiên, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật trong đó bị cáo Đỗ Văn C, Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1 có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51; bị cáo Ngô Huỳnh T, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1

Điều 51 nên có thể áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54.

Bị cáo Trần Tuấn A mặc dù có nhân thân xấu tuy nhiên bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức trong vụ án đồng phạm và có vai trò không đáng kể, bị cáo không được hưởng lợi gì từ hành vi đánh bạc của bị cáo C, mặc dù bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuy nhiên bị cáo có con nhỏ lại là lao động chính trong gia đình, sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú nên xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục, phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Mức độ phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn. Do đó, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt chính là phạt tù mà xem xét cho các bị cáo được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đen thu của Trần Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu xanh thu của Vũ Văn P gắn 01 sim điện thoại 0967195679; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đen thu của Hoàng Văn P1, gắn 01 sim điện thoại 0392935123; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xanh thu của Đỗ Văn C, gắn 01 sim điện thoại 0359516999; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu của Ngô Huỳnh T gắn 01 sim điện thoại 0985815638; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG mặt sau màu xanh đen thu của Hà Thị Hồng A1 gắn 01 sim điện thoại 0879985025 quá trình điều tra xác định các bị cáo đều sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Về việc xử lý tiền liên quan đến hành vi phạm tội cho vay lãi nặng

+ Đối với số tiền 1.460.000.000 đồng các bị cáo góp chung để cho vay lãi trong đó bị cáo Trần Văn N góp 300.000.000 đồng, Vũ Văn P góp 300.000.000 đồng, Hoàng Văn P1 góp 300.000.000 đồng, Đỗ Văn C góp 260.000.000 đồng, Ngô Huỳnh T góp 300.000.000 đồng, cần truy thu của các bị cáo, sung vào ngân

sách nhà nước.

+ Đối với số tiền thu lời bất chính các bị cáo đã thu của người vay, các bị cáo đã trả lại toàn bộ cho người vay nên không đề cập giải quyết.

+ Đối với số tiền lãi còn lại tương ứng lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) mà các bị cáo đã thu của người vay là 268.344.077 đồng (bằng tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu là 1.749.592.940 đồng trừ đi số tiền thu lời bất chính 1.481.248.863 đồng các bị cáo đã trả cho người vay) cần truy thu, sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền này được chia theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bị cáo trong tổng số tiền gốc cho vay, cụ thể: các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T mỗi bị cáo phải nộp lại 55.139.194 đồng (tương đương với tỷ lệ góp vốn là 20,5%), bị cáo Đỗ Văn C phải nộp lại 47.787.301 đồng (tương đương với tỷ lệ góp vốn là 17,8%),

- Về việc xử lý tiền liên quan đến hành vi phạm tội đánh bạc:

Đối với số tiền các bị cáo Đỗ Văn C, Trần Tuấn A, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 dùng vào việc đánh bạc cần truy thu của các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

+ Tổng số tiền, C, Tuấn A đánh bạc với Hoàng Huy H là 217.400.000 đồng, số tiền này đều do C bỏ ra, Tuấn A không đóng góp, không được hưởng lợi từ việc đánh bạc nên cần truy thu của bị cáo Đỗ Văn C, sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tổng số tiền đánh bạc giữa C, A1 và L là 11.800.000 đồng : Trong đó số tiền C trúng lô A1 đã trả cho C là 8.000.000 đồng, số tiền A1 được hưởng lợi từ việc chuyển số lô C đánh cho L là 315.000 đồng, số tiền A1 thu của C để chuyển cho L là 3.485.000 đồng nên cần truy thu của bị cáo C 8.000.000 đồng, truy thu của bị cáo A1 315.000 đồng, truy thu của bị cáo L 3.485.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tổng số tiền đánh bạc giữa A1 và L ngày 25/7/2023 là 12.057.500 đồng, trong đó số tiền A1 thu của người chơi là 8.617.500 đồng; số tiền L phải chuyển cho A1 để trả cho người chơi trúng lô, đề là 3.440.000 đồng tuy nhiên do các bị cáo chưa chuyển số tiền trên cho nhau nên cần truy thu của bị cáo A1 số tiền 8.617.500 đồng; truy thu của bị cáo L số tiền 3.440.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Như vậy tổng số tiền cần truy thu của mỗi bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước cụ thể như sau: Truy thu của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T mỗi bị cáo 55.139.194 đồng. Truy thu của bị cáo Đỗ Văn C 533.187.301 đồng. Truy thu của bị cáo Lê Thị L 6.925.000 đồng. Truy thu của bị cáo Hà Thị Hồng A1 8.932.500 đồng.

[9] Đối với những người vay tiền của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Đỗ Văn C và Ngô Huỳnh T có thông tin trong trang Web, do

không có thông tin cụ thể (họ tên, địa chỉ cư trú) nên không có căn cứ để xác minh triệu tập, làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, mở rộng vụ án nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của các bị cáo cho cá nhân vay tiền với mức lãi suất trên 20%/năm nhưng dưới 5 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an thành phố H1 để xử phạt hành chính theo quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 lần C đánh bạc trái phép dưới hình thức số lô với Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 vào các ngày 10/4/2023 và 18/4/2023 tuyên nhiên số tiền đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an thành phố H1 để xử phạt hành chính theo quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với những người đánh bạc trái phép dưới hình thức số lô, số đề, số ba càng với Lê Thị L và Hà Thị Hồng A1 vào ngày 25/7/2023 do không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hoàng Huy H, xác minh tại Công an, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1 xác định H đã chết nên không đề cập xử lý.

[10] Về hủy bỏ biện pháp ngăn chặn:

Bị cáo Hà Thị Hồng A1 được áp dụng biện pháp bảo lãnh đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Các bị cáo Trần Tuấn A, Lê Thị L được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm nên không xem xét hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đang áp dụng đối với các bị cáo.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P1 03 (ba) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Ngô Huỳnh T 04 (bốn) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2023 đến ngày 09/10/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Quảng Ninh nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt hành chính thì Tòa án có thể quyết định buộc người được án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Hồng A1 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, sung vào ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự

và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 13 Pro Max) màu xám đen thu của Trần Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 11 Pro Max), màu xanh thu của Vũ Văn P kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 13 Pro Max) màu xám đen thu của Hoàng Văn P1 kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro) màu xanh thu của Đỗ Văn C kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu của Ngô Huỳnh T kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đen thu của Hà Thị Hồng A1 kèm 01 sim.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 88/BB-THANH ngày 25/12/2023 giữa Công an thành phố H1 và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1).

+ Truy thu của các bị cáo Trần Văn N, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T mỗi bị cáo 355.139.194 đồng; truy thu của bị cáo Đỗ Văn C 533.187.301 đồng, truy thu của bị cáo Lê Thị L 6.925.000 đồng, truy thu của bị cáo Hà Thị Hồng A1 8.932.500 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

- Về biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp bảo lãnh đối với các bị cáo Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T và tạm hoãn xuất C đối với các bị cáo Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T, Trần Tuấn A, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Trần Văn N, Đỗ Văn C, Vũ Văn P, Hoàng Văn P1, Ngô Huỳnh T, Trần Tuấn A, Lê Thị L, Hà Thị Hồng A1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tp.H1;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS tp.H1;*
- *Công an thành phố H1;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

Nguyễn Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Lan - Lê Thu Thúy

Nguyễn Thu Hương

